

SỞ GD&ĐT HẢI DƯƠNG
THPT THANH HÀ
LỚP: 12G
GVCN: Nguyễn Thị Yên

BẢNG TỔNG HỢP ĐTB, HẠNH KIỂM, HỌC LỰC, DANH HIỆU
HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2015-2016

TT	Họ và tên	HK	Toán	Vật lý	Hóa	Sinh	Tin	Ngữ văn	L.Sử	Địa lý	Tiếng anh	GDCD	C Nghệ	Tđục	GDQP		ĐTB	Nghi CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	Danh hiệu	Kết quả
1	Phạm Minh Anh	HK1	8.1 ₉	7.8 ₃	8.7 ₂	9.0 ₁	8.4 ₃	8.6 ₄	9.0 ₂	8.8 ₁₁	9.4 ₃	7.6 ₁₀	7.6 ₁₂	Đ	8.3 ₉		8.4 ₁	0 ₀	G	T	GIOI	
2	Bùi Thị Thùy Anh	HK1	5.8 ₃₁	6.0 ₃₃	7.0 ₁₄	7.7 ₁₄	7.8 ₂₁	8.0 ₁₄	8.1 ₁₄	9.1 ₅	7.2 ₂₅	7.7 ₇	7.3 ₂₇	Đ	8.5 ₄		7.5 ₂₀	2 ₀	K	T	TT	
3	Trần Thị Ánh	HK1	5.0 ₃₃	7.3 ₁₁	7.3 ₁₁	7.1 ₂₂	6.9 ₃₄	7.5 ₂₈	8.1 ₁₄	7.5 ₃₂	6.8 ₃₄	7.1 ₂₄	7.4 ₂₀	Đ	7.7 ₁₆		7.1 ₃₀	2 ₀	K	T	TT	
4	Cao Thị Hà Dương	HK1	5.0 ₃₃	6.9 ₂₅	6.4 ₂₉	7.1 ₂₂	7.2 ₃₂	7.3 ₃₁	7.4 ₂₉	8.0 ₂₈	7.2 ₂₅	7.3 ₁₉	7.5 ₁₆	Đ	6.9 ₃₂		7.0 ₃₄	1 ₀	K	T	TT	
5	Vũ Văn Đạt	HK1	6.9 ₂₃	6.8 ₂₈	6.1 ₃₀	8.0 ₆	7.7 ₂₂	8.0 ₁₄	7.9 ₂₃	8.2 ₂₅	7.0 ₂₉	7.1 ₂₄	7.8 ₇	Đ	7.5 ₂₃		7.4 ₂₆	3 ₀	K	T	TT	
6	Nguyễn Thị Hồng Hà	HK1	7.5 ₁₃	7.2 ₁₆	6.6 ₂₆	6.6 ₃₁	7.7 ₂₂	7.8 ₁₉	8.0 ₁₇	8.7 ₁₃	8.0 ₁₅	7.4 ₁₆	7.6 ₁₂	Đ	7.7 ₁₆		7.6 ₁₇	3 ₀	K	T	TT	
7	Nguyễn Thị Hạnh	HK1	8.8 ₄	7.3 ₁₁	7.5 ₈	7.1 ₂₂	8.3 ₇	8.8 ₂	8.4 ₈	9.2 ₂	9.3 ₄	7.7 ₇	7.5 ₁₆	Đ	8.6 ₂		8.2 ₄	1 ₀	G	T	GIOI	
8	Nguyễn Thị Phương Hào	HK1	7.8 ₁₀	7.9 ₂	7.2 ₁₂	8.1 ₄	8.6 ₂	9.0 ₁	8.0 ₁₇	8.9 ₇	8.7 ₉	7.4 ₁₆	7.2 ₃₀	Đ	8.4 ₆		8.1 ₅	4 ₀	G	T	GIOI	
9	Nguyễn Thị Hằng	HK1	8.8 ₄	8.0 ₁	7.8 ₅	8.7 ₂	7.9 ₁₅	7.9 ₁₇	8.7 ₄	8.7 ₁₃	8.9 ₆	6.7 ₃₁	7.8 ₇	Đ	7.3 ₂₉		8.1 ₅	6 ₀	G	T	GIOI	
10	Nguyễn Đức Hiếu	HK1	5.5 ₃₂	7.0 ₂₀	5.9 ₃₃	6.8 ₂₉	7.4 ₂₉	7.7 ₂₄	7.4 ₂₉	8.9 ₇	6.9 ₃₁	6.1 ₃₃	7.7 ₁₁	Đ	8.1 ₁₃		7.1 ₃₀	0 ₀	K	T	TT	
11	Cao Đình Huy	HK1	7.3 ₁₅	7.0 ₂₀	8.0 ₃	7.6 ₁₆	7.6 ₂₇	6.6 ₃₄	6.9 ₃₂	8.1 ₂₇	7.0 ₂₉	5.6 ₃₄	6.9 ₃₄	Đ	6.5 ₃₄		7.1 ₃₀	2 ₀	K	K	TT	
12	Nguyễn Ngọc Huyền	HK1	8.8 ₄	6.8 ₂₈	7.5 ₈	8.0 ₆	8.9 ₁	8.4 ₆	9.1 ₁	9.2 ₂	8.7 ₉	7.7 ₇	7.9 ₅	Đ	9.1 ₁		8.3 ₃	0 ₀	G	T	GIOI	
13	Nguyễn Thị Thu Huyền	HK1	8.9 ₂	6.5 ₃₂	6.8 ₁₇	8.3 ₃	8.0 ₁₃	8.1 ₉	8.5 ₅	9.3 ₁	8.8 ₈	6.4 ₃₂	7.3 ₂₇	Đ	8.4 ₆		7.9 ₁₀	1 ₀	K	T	TT	
14	Bùi Thị Liên	HK1	7.1 ₂₀	5.7 ₃₄	7.2 ₁₂	6.6 ₃₁	7.1 ₃₃	7.2 ₃₃	6.9 ₃₂	7.9 ₃₀	7.4 ₂₁	7.1 ₂₄	7.6 ₁₂	Đ	7.5 ₂₃		7.1 ₃₀	1 ₀	K	K	TT	
15	Nguyễn Khánh Linh	HK1	9.3 ₁	7.3 ₁₁	9.2 ₁	8.0 ₆	8.4 ₃	8.1 ₉	8.0 ₁₇	9.0 ₆	9.0 ₅	8.0 ₂	7.8 ₇	Đ	8.6 ₂		8.4 ₁	0 ₀	G	T	GIOI	
16	Hoàng Thị Thùy Linh	HK1	5.9 ₃₀	7.0 ₂₀	6.8 ₁₇	7.6 ₁₆	8.1 ₁₁	7.8 ₁₉	8.1 ₁₄	7.9 ₃₀	7.6 ₁₇	7.0 ₂₈	8.1 ₁	Đ	7.7 ₁₆		7.5 ₂₀	1 ₀	K	T	TT	
17	Hoàng Thị Thùy Linh	HK1	6.8 ₂₅	7.0 ₂₀	6.0 ₃₁	7.8 ₁₂	7.6 ₂₇	8.0 ₁₄	8.3 ₁₀	8.2 ₂₅	7.4 ₂₁	7.1 ₂₄	7.9 ₅	Đ	8.4 ₆		7.5 ₂₀	0 ₀	K	T	TT	
18	Phạm Thị Mai Lương	HK1	7.5 ₁₃	7.7 ₅	5.8 ₃₄	7.9 ₉	8.4 ₃	8.8 ₂	8.0 ₁₇	8.9 ₇	8.6 ₁₁	7.5 ₁₃	7.4 ₂₀	Đ	7.5 ₂₃		7.8 ₁₁	0 ₀	K	T	TT	
19	Trần Thị Mai	HK1	7.3 ₁₅	7.6 ₆	6.8 ₁₇	7.3 ₂₀	7.7 ₂₂	7.7 ₂₄	7.6 ₂₅	8.6 ₁₈	6.9 ₃₁	7.6 ₁₀	7.4 ₂₀	Đ	7.6 ₂₁		7.5 ₂₀	0 ₀	K	T	TT	
20	Ngô Hồng Ngọc	HK1	8.9 ₂	7.8 ₃	6.7 ₂₃	7.2 ₂₁	8.1 ₁₁	8.1 ₉	8.5 ₅	8.0 ₂₈	9.6 ₂	7.2 ₂₂	8.0 ₂	Đ	7.4 ₂₆		8.0 ₇	3 ₀	G	T	GIOI	
21	Nguyễn Thị Ngọc	HK1	7.2 ₁₈	7.3 ₁₁	7.0 ₁₄	7.9 ₉	7.7 ₂₂	7.9 ₁₇	8.9 ₃	8.7 ₁₃	8.2 ₁₄	7.9 ₄	7.4 ₂₀	Đ	7.2 ₃₀		7.8 ₁₁	0 ₀	K	T	TT	
22	Nguyễn Hồng Nhung	HK1	7.3 ₁₅	7.0 ₂₀	8.0 ₃	8.1 ₄	8.2 ₉	8.5 ₅	8.2 ₁₁	9.2 ₂	7.4 ₂₁	8.0 ₂	7.5 ₁₆	Đ	8.3 ₉		8.0 ₇	0 ₀	G	T	GIOI	
23	Nguyễn Thị Hồng Nhung	HK1	6.3 ₂₉	6.9 ₂₅	6.5 ₂₇	6.5 ₃₃	7.7 ₂₂	7.5 ₂₈	7.6 ₂₅	8.7 ₁₃	6.9 ₃₁	7.9 ₄	7.3 ₂₇	Đ	8.0 ₁₅		7.3 ₂₇	2 ₀	K	T	TT	
24	Cao Thị Huyền Nhung	HK1	6.6 ₂₇	6.7 ₃₀	6.5 ₂₇	7.8 ₁₂	7.9 ₁₅	7.6 ₂₆	8.4 ₈	8.6 ₁₈	7.5 ₁₉	7.2 ₂₂	7.6 ₁₂	Đ	8.1 ₁₃		7.5 ₂₀	1 ₀	K	T	TT	
25	Đặng Văn Phúc	HK1	8.3 ₇	7.1 ₁₉	6.8 ₁₇	6.5 ₃₃	7.9 ₁₅	7.3 ₃₁	6.7 ₃₄	8.6 ₁₈	7.2 ₂₅	6.9 ₃₀	7.5 ₁₆	Đ	6.8 ₃₃		7.3 ₂₇	0 ₀	K	T	TT	
26	Trần Thị Phương	HK1	7.0 ₂₁	6.7 ₃₀	7.4 ₁₀	7.0 ₂₇	8.4 ₃	7.8 ₁₉	7.6 ₂₅	8.8 ₁₁	7.5 ₁₉	7.5 ₁₃	7.2 ₃₀	Đ	8.5 ₄		7.6 ₁₇	0 ₀	K	T	TT	
27	Nguyễn Hồng Quân	HK1	6.9 ₂₃	7.2 ₁₆	6.7 ₂₃	6.7 ₃₀	7.4 ₂₉	7.8 ₁₉	7.0 ₃₁	7.4 ₃₃	7.2 ₂₅	7.6 ₁₀	7.2 ₃₀	Đ	7.4 ₂₆		7.2 ₂₉	1 ₀	K	T	TT	
28	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	HK1	7.7 ₁₁	7.4 ₁₀	6.0 ₃₁	7.6 ₁₆	7.9 ₁₅	7.6 ₂₆	7.9 ₂₃	8.4 ₂₂	8.0 ₁₅	7.0 ₂₈	7.8 ₇	Đ	7.7 ₁₆		7.6 ₁₇	0 ₀	K	T	TT	
29	Nguyễn Hà Thanh	HK1	6.4 ₂₈	7.5 ₈	6.8 ₁₇	6.9 ₂₈	7.9 ₁₅	8.4 ₆	7.6 ₂₅	8.4 ₂₂	7.4 ₂₁	7.3 ₁₉	7.4 ₂₀	Đ	8.2 ₁₁		7.5 ₂₀	0 ₀	K	T	TT	
30	Đỗ Thị Thủy	HK1	7.6 ₁₂	7.6 ₆	7.8 ₅	7.7 ₁₄	8.3 ₇	8.1 ₉	8.2 ₁₁	7.1 ₃₄	8.9 ₆	7.4 ₁₆	7.2 ₃₀	Đ	7.0 ₃₁		7.7 ₁₃	1 ₀	K	T	TT	
31	Bùi Tiến Thường	HK1	6.8 ₂₅	6.9 ₂₅	7.0 ₁₄	7.9 ₉	8.0 ₁₃	7.5 ₂₈	8.0 ₁₇	8.7 ₁₃	8.3 ₁₂	7.8 ₆	8.0 ₂	Đ	7.6 ₂₁		7.7 ₁₃	0 ₀	K	T	TT	
32	Hoàng Thị Tuyết Trang	HK1	7.2 ₁₈	7.5 ₈	6.7 ₂₃	7.1 ₂₂	7.9 ₁₅	8.3 ₈	8.5 ₅	8.9 ₇	7.6 ₁₇	7.3 ₁₉	7.4 ₂₀	Đ	7.4 ₂₆		7.7 ₁₃	1 ₀	K	T	TT	
33	Phạm Tiên Văn	HK1	8.2 ₈	7.3 ₁₁	6.8 ₁₇	7.5 ₁₉	8.2 ₉	8.1 ₉	8.2 ₁₁	8.6 ₁₈	9.8 ₁	7.5 ₁₃	7.4 ₂₀	Đ	8.2 ₁₁		8.0 ₇	0 ₀	G	T	GIOI	

TT	Họ và tên	HK	Toán	Vật lý	Hóa	Sinh	Tin	Ngữ văn	L.Sử	Địa lý	Tiếng anh	GDCD	C Nghệ	Tdục	GDQP		ĐTB	Nghĩ CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	Danh hiệu	Kết quả
34	Huỳnh Thị Kim Yến	HK1	7.0 ²¹	7.2 ¹⁶	7.7 ⁷	7.1 ²²	7.4 ²⁹	7.8 ¹⁹	8.0 ¹⁷	8.4 ²²	8.3 ¹²	8.1 ¹	8.0 ²	Đ	7.7 ¹⁶		7.7 ¹³	0 0	K	T	TT	

Số ngày nghỉ có phép: 36

Số ngày nghỉ không phép: 0

Hạnh kiểm:

- Tốt: 32

- Khá: 2

- Trung bình: 0

- Yếu: 0

Học lực:

- Giỏi: 9

- Khá: 25

- Trung bình: 0

- Yếu: 0

- Kém: 0

Danh hiệu:

- Giỏi: 9

- Tiên tiến: 25

Ngày..... tháng..... năm
GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM
(chữ ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... năm
HIỆU TRƯỞNG
(chữ ký, họ tên, đóng dấu)